



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Thủy điện Bắc Hà

Ngày 28/06/2024	21,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.9%	27.2%	48.8%

DT thuần Q2/24
68.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 24.2 55.0%
YoY: ▲ 16.5 31.9%

LN thuần Q2/24
21.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 23.3 1564%
YoY: ▲ 19.7 934%

LN sau thuế Q2/24
19.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 21.0 1408%
YoY: ▲ 17.3 774%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/24
49.4%
YoY: +/- ▲ 18.8%

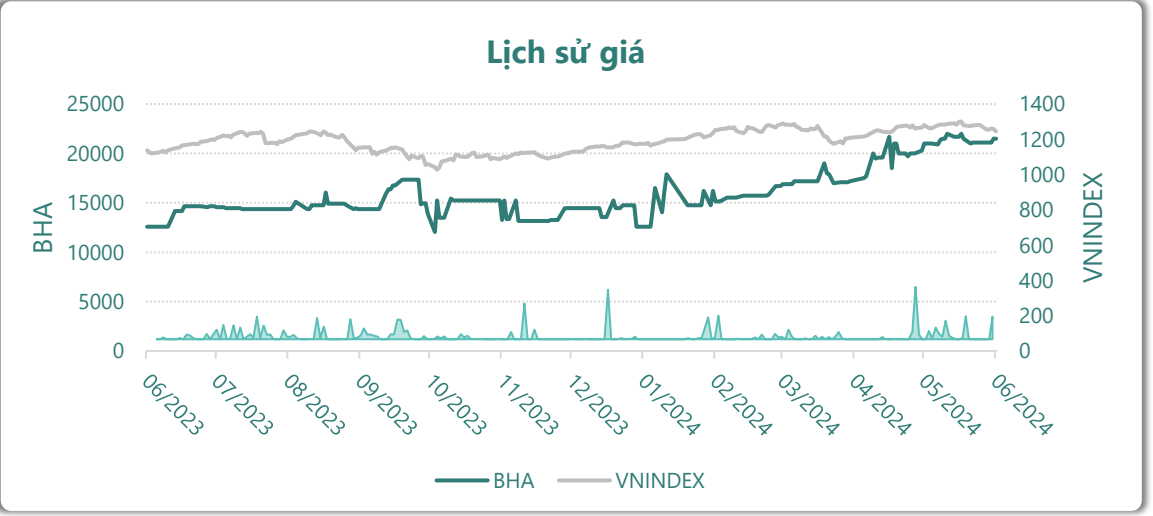
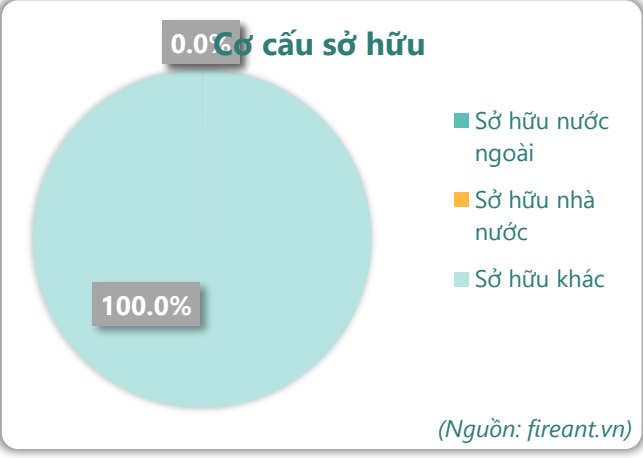
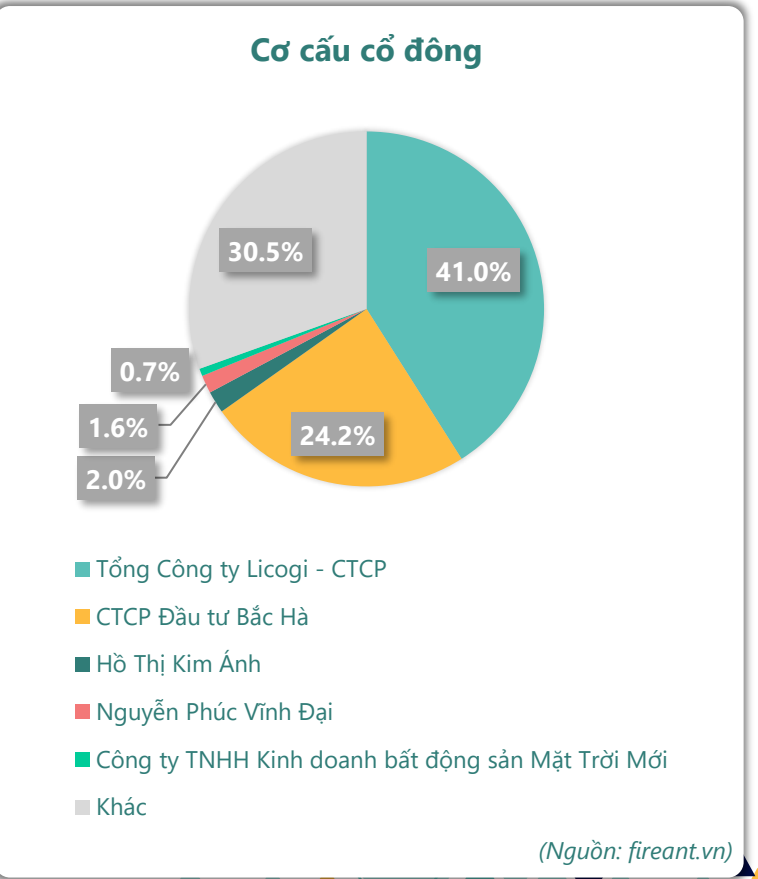
ROE (TTM) Q2/24
17.5%
YoY: +/- ▲ 3.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	12,052 - 22,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,419
Số lượng CPLH (CP)	66,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	690
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.25)
EPS	2,130
P/E	10.1

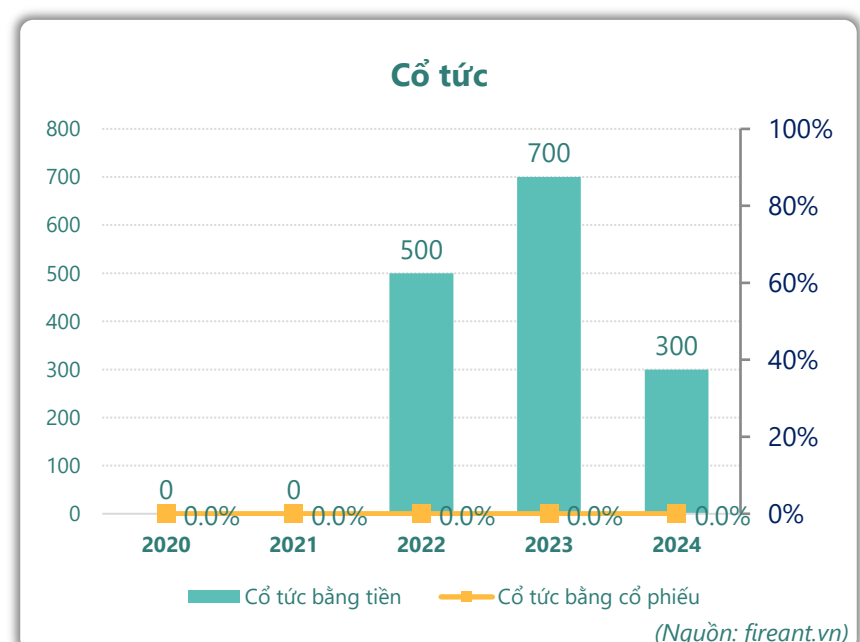
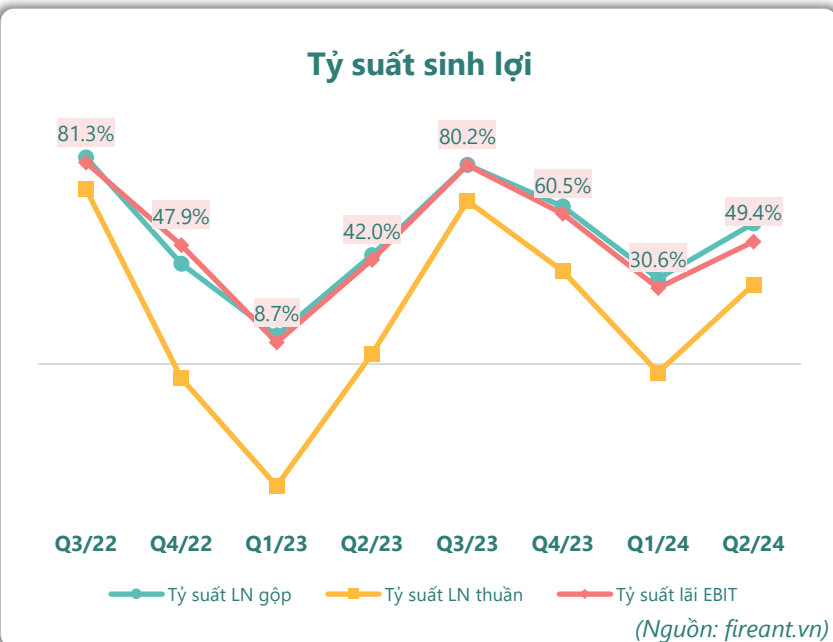
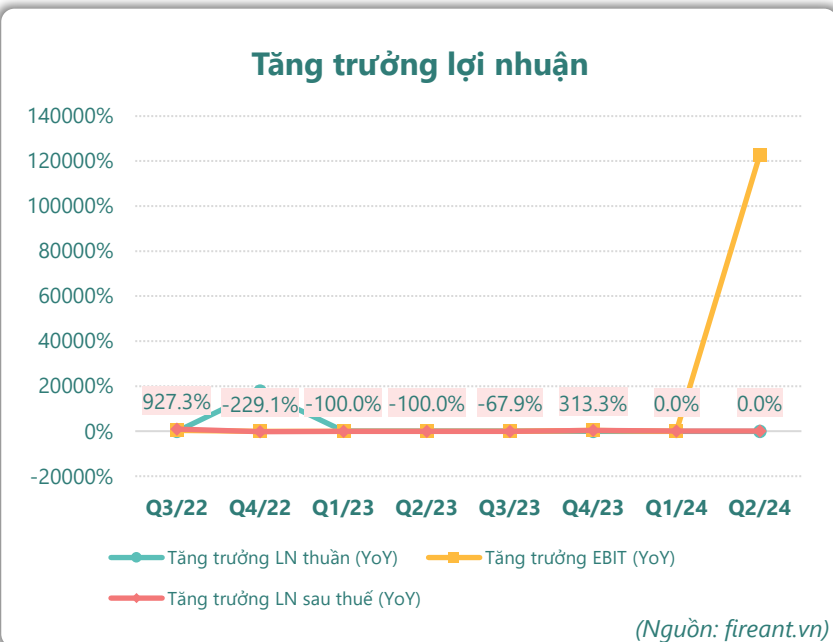
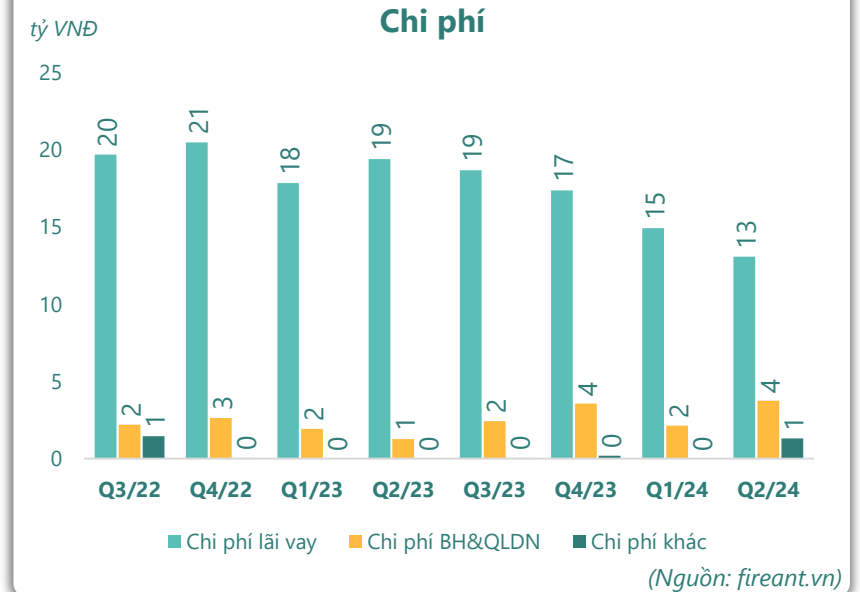
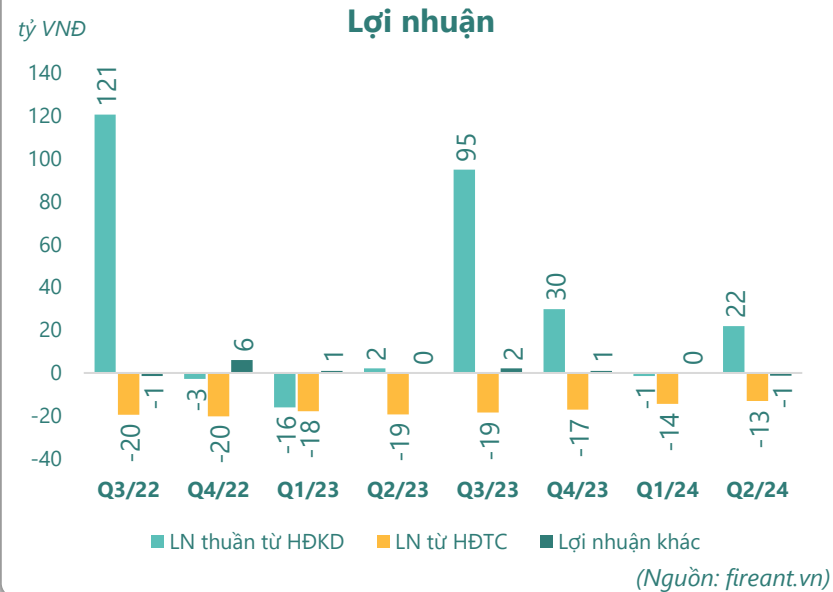
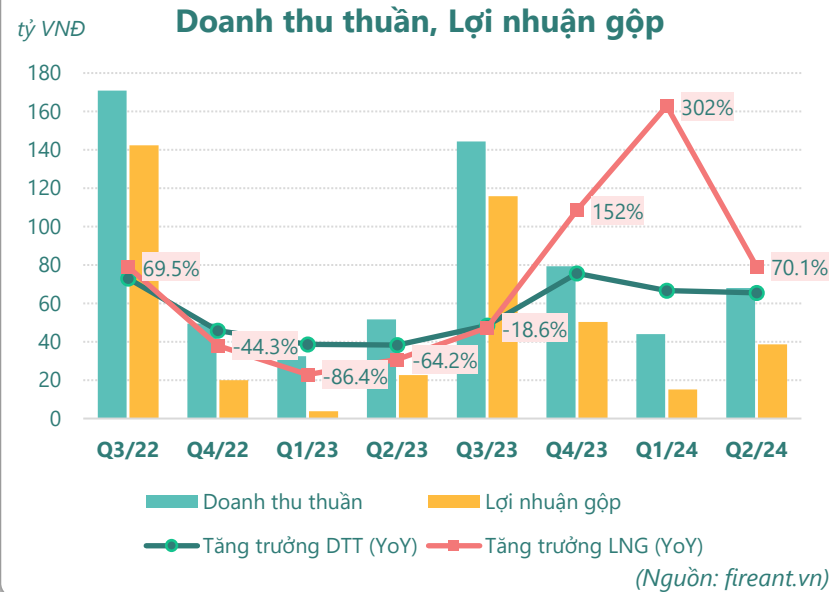
DT thuần 6T 2024
112
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.9 33.1%

LN thuần 6T 2024
20.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 34.2 246%

LN sau thuế 6T 2024
18.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 30.8 241%



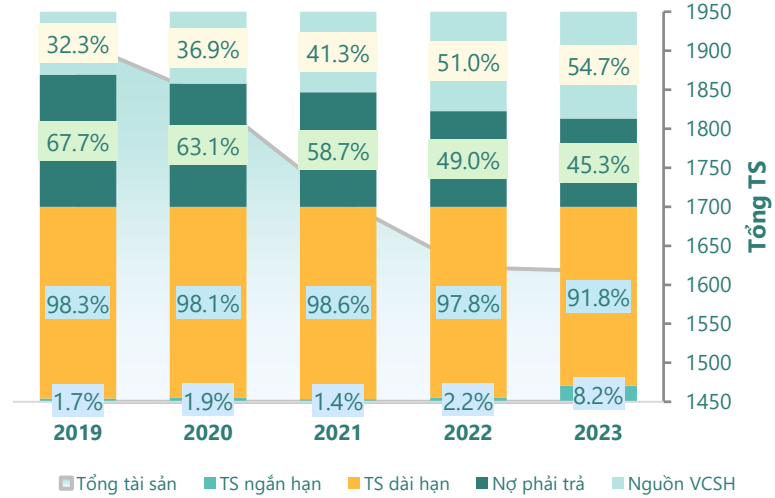
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

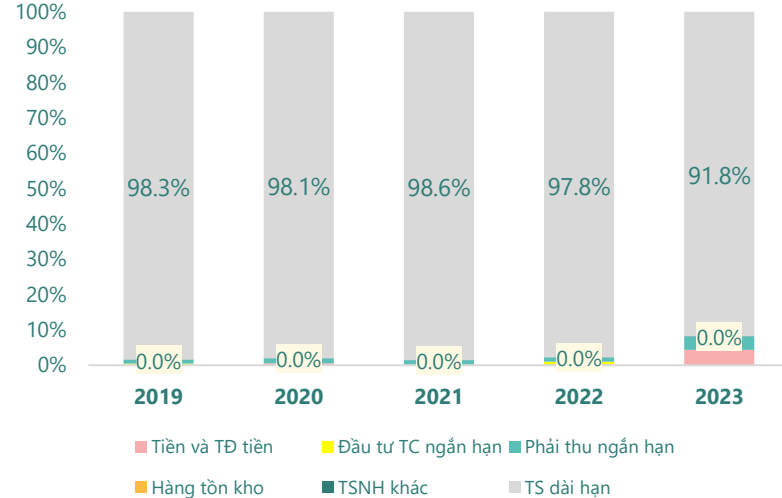
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

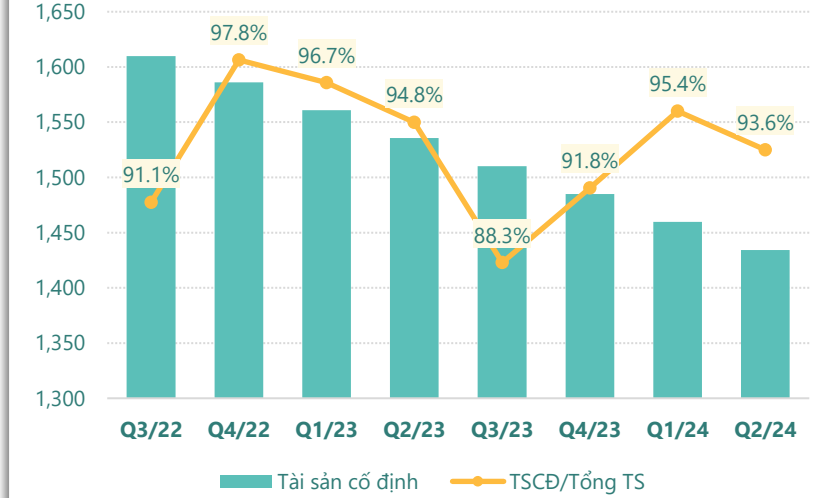
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

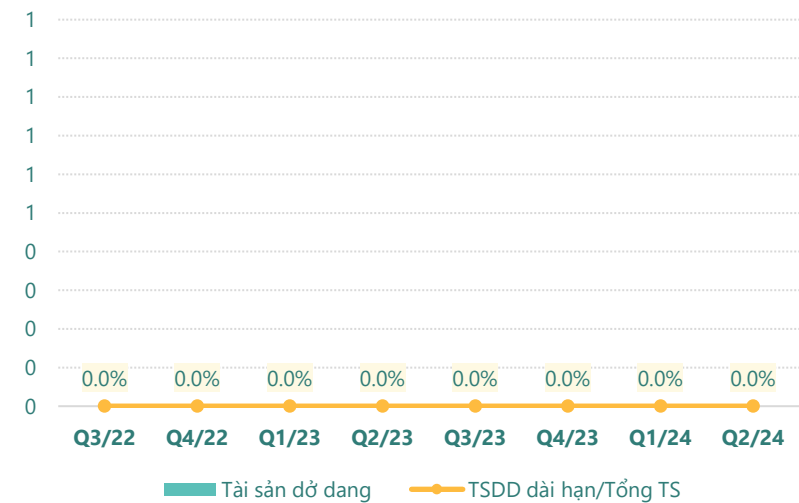
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

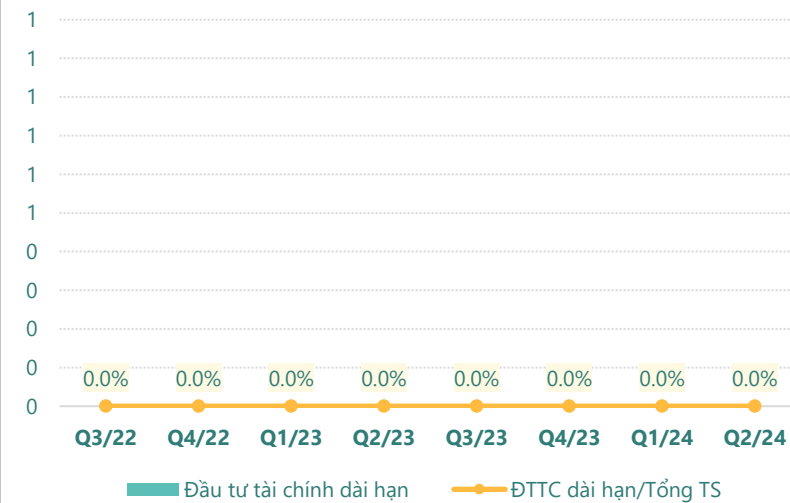
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

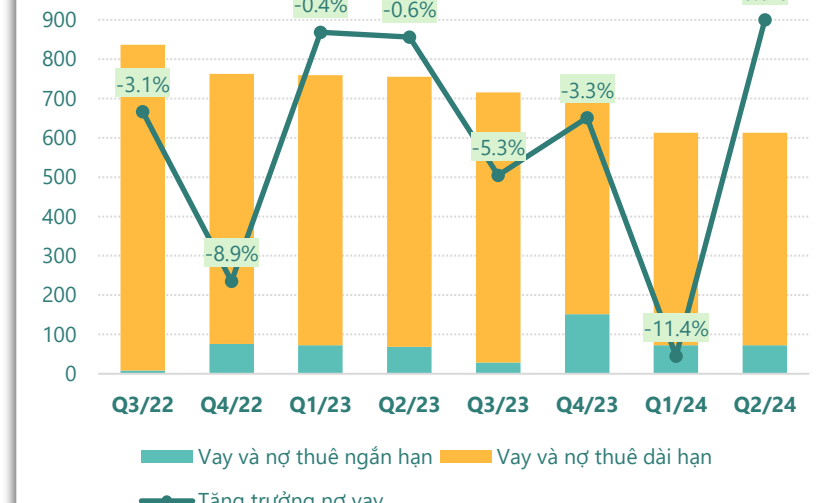
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

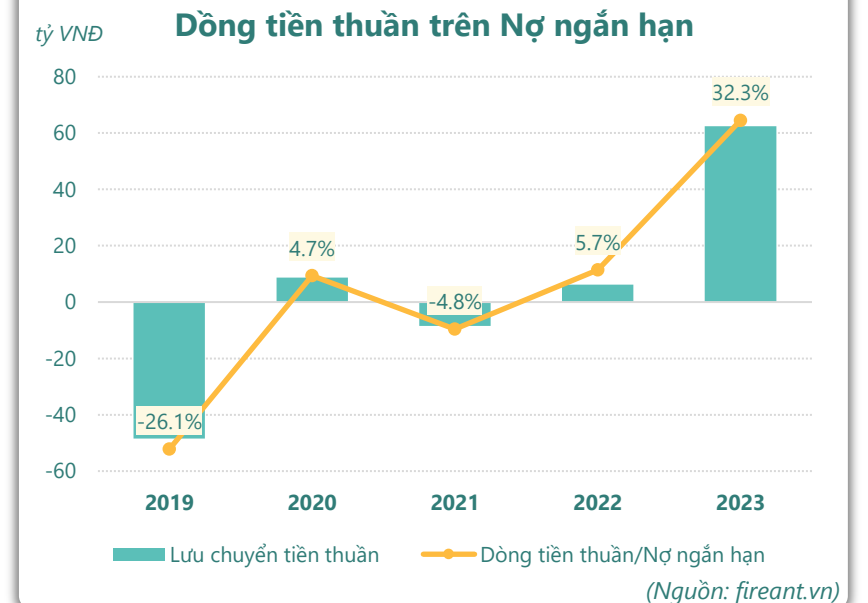
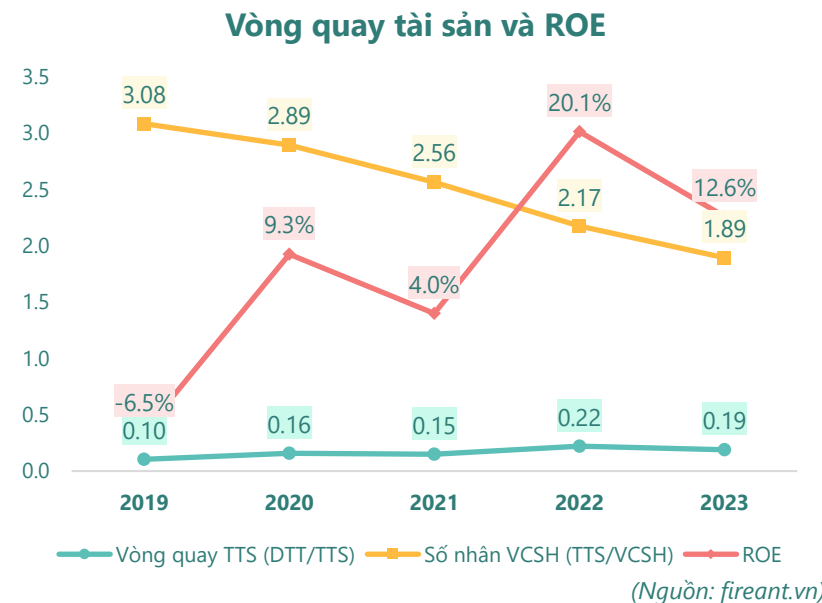
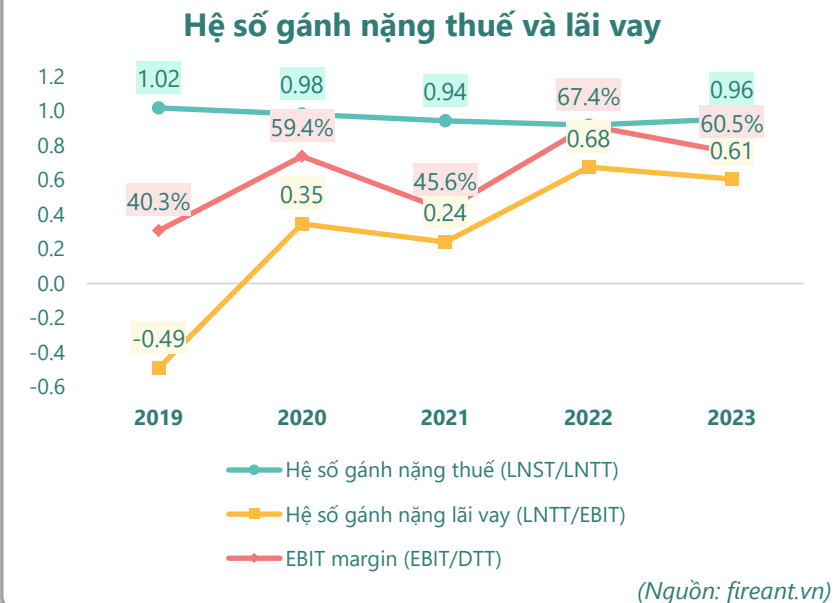
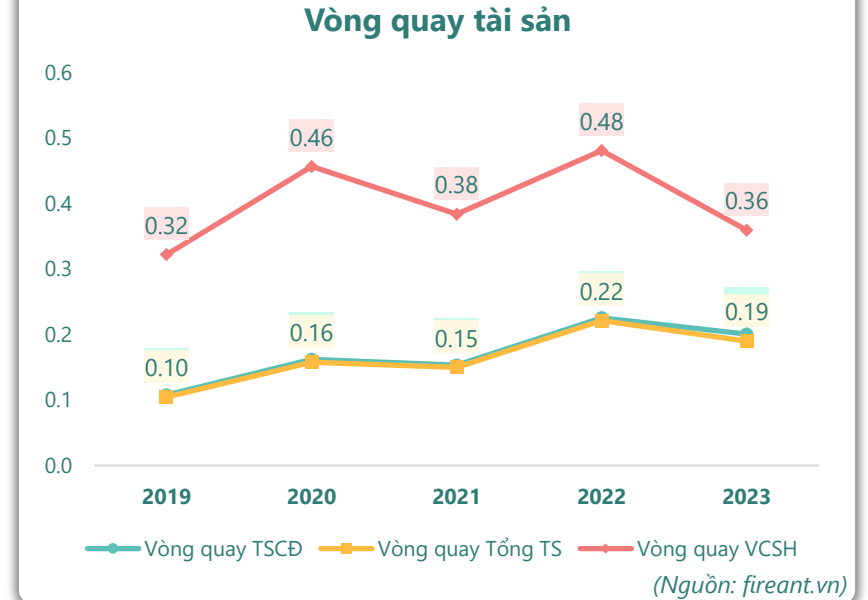
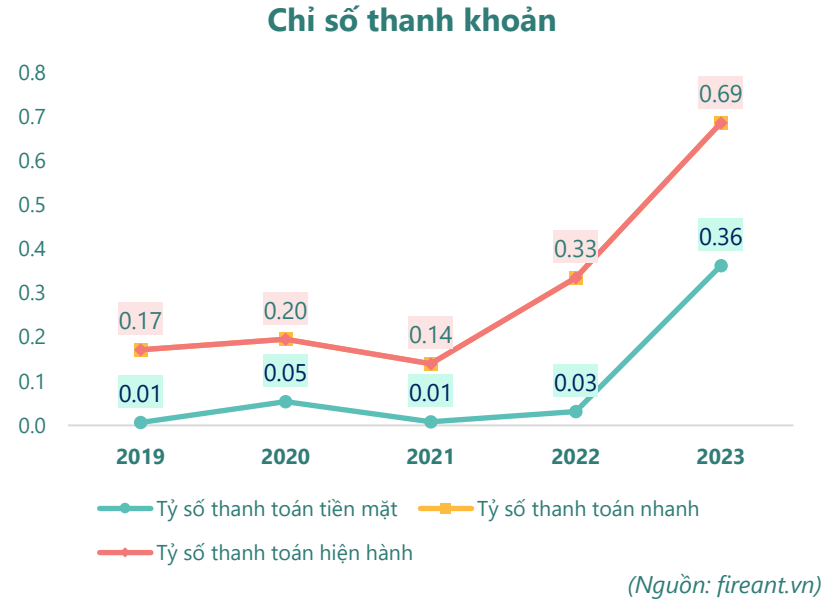
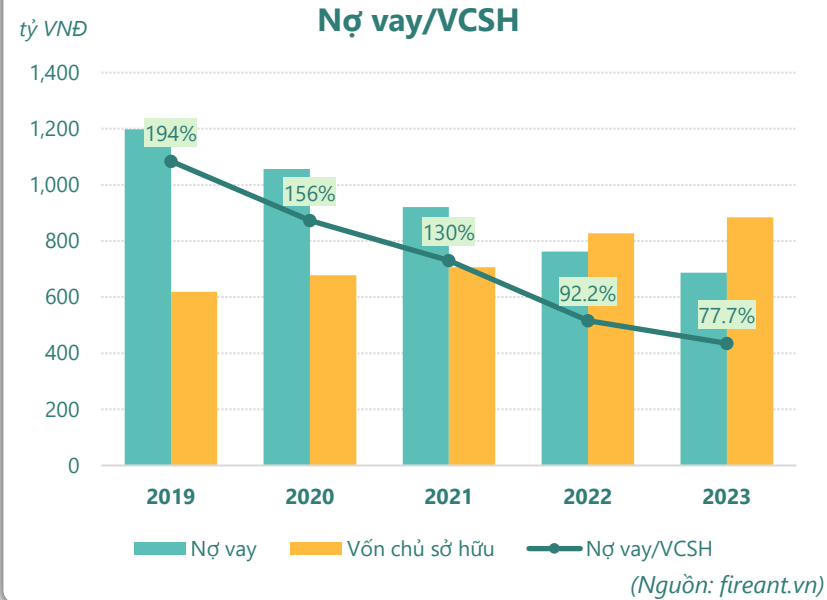
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	68.1	51.6	31.9%	112	84.1	33.1%
Giá vốn hàng bán	29.4	28.9	1.8%	58.2	57.7	1.0%
Lợi nhuận gộp	38.6	22.7	70.1%	53.7	26.5	103%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.11	-56.3%	0.52	0.14	281%
Chi phí TC	13.1	19.4	-32.5%	28.0	37.3	-24.8%
Chi phí lãi vay	13.1	19.4	-32.5%	28.0	37.3	-24.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	3.76	1.28	193%	5.91	3.21	83.7%
LN thuần từ HĐKD	21.8	2.11	934%	20.3	-13.9	246%
Lợi nhuận khác	-1.31	0.12	-1193%	-1.31	1.11	-218%
LN trước thuế	20.5	2.23	820%	19.0	-12.8	249%
Lợi nhuận sau thuế	19.5	2.23	774%	18.0	-12.8	241%
LNST của CĐ cty mẹ	19.5	2.23	774%	18.0	-12.8	241%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.0	-4.89	82.2	82.2	38.2	23.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.59	0.85	-1.40	-1.40	-1.00	-2.61
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.47	-5.27	-39.8	-39.8	-78.8	-29.5
Tiền đầu kỳ	7.67	19.6	7.67	7.67	70.0	28.4
Lưu chuyển tiền thuần	12.0	-9.31	40.9	40.9	-41.6	-8.88
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	19.6	10.3	48.6	48.6	28.4	19.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,533	1,618	-5.2%
Tài sản ngắn hạn	98.5	133	-25.7%
Tiền và tương đương tiền	19.5	70.0	-72.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	78.6	62.2	26.4%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.36	0.39	-7.3%
Tài sản dài hạn	1,434	1,485	-3.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,434	1,485	-3.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	692	733	-5.6%
Nợ ngắn hạn	152	193	-21.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	72.6	151	-52.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.42	2.89	-16.2%
Nợ dài hạn	540	540	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	540	536	0.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	841	884	-4.9%
Vốn chủ sở hữu	841	884	-4.9%
Vốn điều lệ	660	660	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

